

Bản án số: 04/2024/KDTM-ST

Ngày 13-6-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng kinh tế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Minh

Bà Phạm Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vận chuyển theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 3 năm 2024, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 363/TB-TA ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH V1; địa chỉ trụ sở: Số F ngõ A đường B, tổ B, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Tiến V – chức vụ: Giám đốc; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ trụ sở: Số B đường N, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn K – chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/7/2022, Công ty TNHH V1 (sau đây gọi tắt là Công ty V1) ký kết hợp đồng vận chuyển số 0721/HĐVC với Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T) có nội dung như sau: Công ty T đồng ý thuê và Công ty V1 đồng ý thực hiện việc vận chuyển hàng hóa đóng trong container. Về hàng hóa vận chuyển, địa điểm vận chuyển, phương thức vận chuyển, giá vận chuyển,... được hai bên thỏa thuận cụ thể tại Điều 2, 3 của Hợp đồng. Hình thức thanh toán bằng đồng Việt Nam (tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng). Thời hạn thanh toán: Kết thúc tháng vận chuyển, hai bên thực hiện đối chiếu số liệu vào ngày 25 hàng tháng. Công ty T thực hiện thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày hai bên đối chiếu số liệu. Từ tháng 8/2022 đến tháng 11/2022 Công ty V1 đã thực hiện vận chuyển vận chuyển hàng hóa đóng trong container cho Công ty T với số tiền cước đã xuất hóa đơn VAT như sau: Tháng 8/2022 là 59.400.000 đồng; tháng 9/2022 là 38.016.000 đồng; tháng 10/2022 là 139.644.000 đồng; tháng 11/2022 là 87.480.000 đồng. Tổng số tiền cước là 324.540.000 đồng.

Công ty T đã thanh toán cước bằng hình thức chuyển khoản và trả tiền mặt như sau: Ngày 16/11/2022 chuyển khoản số tiền là 30.000.000 đồng; ngày 5/12/2022 chuyển khoản số tiền là 26.980.000 đồng; ngày 8/4/2023 chuyển khoản số tiền là 30.000.000 đồng; ngày 22/6/2023 chuyển khoản số tiền là 40.000.000 đồng; ngày 6/7/2023 thanh toán tiền mặt số tiền là 8.150.000 đồng. Tổng số tiền Công ty T đã thanh toán là 135.130.000 đồng.

Từ tháng 8/2023, Công ty T không thanh toán thêm khoản nợ nào cho Công ty V1 như đã thỏa thuận. Tính đến ngày 02/01/2024, Công ty T còn phải trả cho Công ty V1 số tiền cước vận chuyển là 189.410.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm mười nghìn đồng).

Vì vậy, Công ty V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty T phải thanh toán số tiền cước vận chuyển còn nợ là 189.410.000 đồng tiền gốc.

Về khoản tiền lãi: Theo quy định của hợp đồng thì sau 45 ngày kể từ ngày chốt bảng kê là ngày 25 hàng tháng thì Công ty T phải thanh toán tiền cước cho Công ty V1. Tuy nhiên Công ty T không thực hiện đúng theo cam kết nên Công ty V1 yêu cầu Công ty T phải trả khoản tiền lãi suất đối với số tiền Công ty T chậm thanh toán theo lãi suất do pháp luật quy định. Xét hoàn cảnh của Công ty T cũng như các quy định của pháp luật thì Công ty V1 chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền 189.410.000 đồng Công ty T chưa thanh toán, thời điểm bắt đầu tính lãi từ ngày 02/01/2023 tạm tính đến ngày 02/3/2024 với mức lãi suất 9,6%/năm. Tổng số tiền lãi Công ty T phải trả là 21.213.920 đồng. Từ ngày 03/3/2024, Công ty T phải tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết số tiền cước còn nợ cho Công ty V1 theo quy định

của pháp luật.

- Bị đơn **Công ty T** trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Công ty TNHH V1**: Buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 215.725.369 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 189.410.000 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 13/6/2024 là 26.315.369 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Nguyên đơn không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân quận Hải An nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vận chuyển trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại **quận H, thành phố Hải Phòng**. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Xét tính hợp pháp của các hợp đồng kinh tế giữa nguyên đơn và bị đơn: Hợp đồng vận chuyển số 0721/HĐVC ngày 01/7/2022 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, chủ thể ký kết hợp đồng là người có năng lực hành vi dân sự và có đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật. Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức của xã hội. Vì vậy, hợp đồng có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự, Điều 24 Luật Thương mại.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng: Nguyên đơn đã cung cấp dịch vụ vận chuyển và xuất các hoá đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là 324.540.000 đồng thể hiện qua: Hóa đơn thuế giá trị gia tăng ngày 29/8/2022 với số tiền thanh toán là 59.400 đồng. Bảng kê cước vận chuyển tháng 9/2022 và hóa đơn giá trị gia tăng ngày 27/9/2022, số tiền thanh toán là 38.016.000 đồng. Hai bên đã xác nhận công nợ theo văn bản đối chiếu hàng tháng. Bảng kê cước vận chuyển tháng 10 và Hóa đơn GTGT ngày 31/10/2022 số tiền thanh toán là 139.644.000 đồng. Bảng kê cước vận chuyển tháng 11/2022 và Hóa đơn GTGT ngày 22/11/2022 là 87.480.000 đồng.

- Xét yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền nợ gốc:

[4] Đối với số tiền cước vận chuyển: Bị đơn đã thanh toán 04 lần, cụ thể: Ngày 16/11/2022 thanh toán 30.000.000 đồng. Ngày 05/12/2022, thanh toán 26.980.000 đồng. Tính đến ngày 05/12/2022, bị đơn còn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền: 267.560.000 đồng. Sau khi có giấy đề nghị thanh toán ngày 08/01/2023 hai bên chốt số tiền Công ty T phải thanh toán là 265.140.000 đồng, ngày 08/4/2023, Công ty T thanh toán là 30.000.000 đồng, ngày 22/6/2023, Công ty T thanh toán 40.000.000 đồng, ngày 06/7/2023, Công ty T thanh toán bằng tiền mặt số tiền 8.150.000 đồng. Như vậy tính đến tháng 7/2023, Công ty T đã thanh toán cho Công ty V1 tổng số tiền là 135.130.000 đồng. Bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền cước vận chuyển là 189.410.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 189.410.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng vận chuyển số 0721/HĐVC ngày 01/7/2022 là có căn cứ, được chấp nhận.

- Xét yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm thanh toán:

[5] Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ tiền lãi chậm thanh toán theo quy định pháp luật. Theo hợp đồng vận chuyển thì hai bên đều không có thỏa

thuận về lãi. Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hoặc chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi suất trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn.

[6] Về thời gian tính lãi chậm thanh toán: Theo quy định tại mục 3.3 Điều 3 của Hợp đồng quy định về thời hạn thanh toán: Kết thúc tháng vận chuyển, 2 bên thực hiện đối chiếu số liệu vào ngày 25 hàng tháng. Công ty T thực hiện thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày hai bên đối chiếu số liệu. Tính đến ngày 08/01/2023, hai bên chốt số tiền Công ty T phải thanh toán là 265.140.000 đồng. Tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền bị đơn chưa thanh toán là 189.410.000 đồng. thời điểm tính lãi từ ngày 02/01/2023 đến khi bị đơn thanh toán hết số tiền trên là có lợi cho bị đơn. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên chấp nhận thời điểm bắt đầu tính lãi suất chậm thanh toán số tiền nợ gốc từ ngày 02/01/2023.

[7] Về mức lãi suất: Hai bên đều không có thoả thuận về lãi. Theo Điều 306 Luật Thương mại và Điều 11 Nghị Quyết 01/2019 thì mức lãi suất thì mức lãi suất theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường (lãi suất của 3 ngân hàng V2, V3 và A tại thời điểm hiện tại) thì mức lãi suất chậm thanh toán là $((12,5\% + 8,5\% + 8,9\%) : 3) \times 150\% = 14,95\%/năm$. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất nợ quá hạn là 9,6%/năm thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng tại thời điểm hiện tại. Nên chấp nhận sự tự nguyện tính tiền lãi theo mức lãi suất là 9,6%/năm.

[8] Như vậy tính từ ngày 02/01/2023 đến ngày 13/6/2024, số tháng quá hạn là 17 tháng 11 ngày nên số tiền lãi Công ty T phải thanh toán cho Công ty V1 là: $((189.410.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/tháng) \times 17 \text{ tháng}) + ((189.410.000 \text{ đồng} \times (0,8\%/tháng : 30 \text{ ngày}) \times 11 \text{ ngày}) = 26.315.369 \text{ đồng}$.

[9] Từ những phân tích trên, Công ty T phải thanh toán trả cho Công ty V1 số tiền là 215.725.369 đồng trong đó: Số tiền cước vận chuyển Công ty T còn nợ là 189.410.000 đồng, số tiền lãi tạm tính từ ngày 02/01/2023 đến hết ngày 13/6/2024 là 26.315.369 đồng.

[10] Theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[11] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty T phải chịu 215.725.369 đồng x 5% = 10.786.268 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 530, 536, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 306 Luật thương mại; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V1 buộc Công ty TNHH T phải trả cho Công ty TNHH V1 số tiền là 215.725.369 đồng (hai trăm mười lăm triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng) trong đó: Số tiền cước vận chuyển Công ty T còn nợ là 189.410.000 đồng (một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng), số tiền lãi tạm tính từ ngày 02/01/2023 đến hết ngày 13/6/2024 là 26.315.369 đồng (hai mươi sáu triệu ba trăm mười lăm nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH T phải chịu 10.786.268 đồng (mười triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty TNHH V1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty TNHH V1 số tiền 4.735.000 đồng (bốn triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0005517 ngày 02/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty TNHH V1 và **Công ty TNHH T** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

